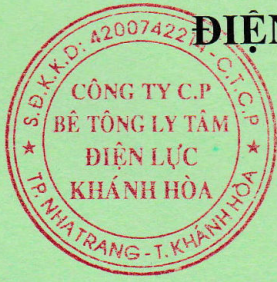


**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM
ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM BÁO CÁO 2023

KHÁNH HÒA, tháng 4/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 KCN Đặc Lộc – xã Vĩnh Phương – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258. 6256699 - 6251235

Email : ctybtlt.dlkh@gmail.com

Website : www.kpceco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Phụ lục IV theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Năm báo cáo: 2023

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Giấy CN ĐKDN : 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 12/5/2023.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu : 29.491.064.049 đồng

Trụ sở chính: Lô C5,6,7,8 KCN Đặc Lộc - Xã Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ giao dịch : Tầng 5, tòa nhà VCN - KĐT Vĩnh Diêm Trung – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0258. 6256699 - 6251235

Website : www.kpceco.com.vn

Mã cổ phiếu : KCE

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vươngng thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyền sản xuất Bê tông ly tâm;

- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;

- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông : Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa” được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang vào tháng 12/2008;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển giao;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đắc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2009 ngày 28/5/2009 Đại hội đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ Công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 1.

- Ngày 20/5/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 2.

- Ngày 12/05/2023 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 3.

- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Xây lắp công nghiệp;

b. Địa bàn kinh doanh:

- Chủ yếu là cung cấp sản phẩm cho các công trình của TP. Nha Trang, TP. Cam Ranh và các Huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Công ty có cung cấp sản phẩm cho một số tỉnh lân cận như:

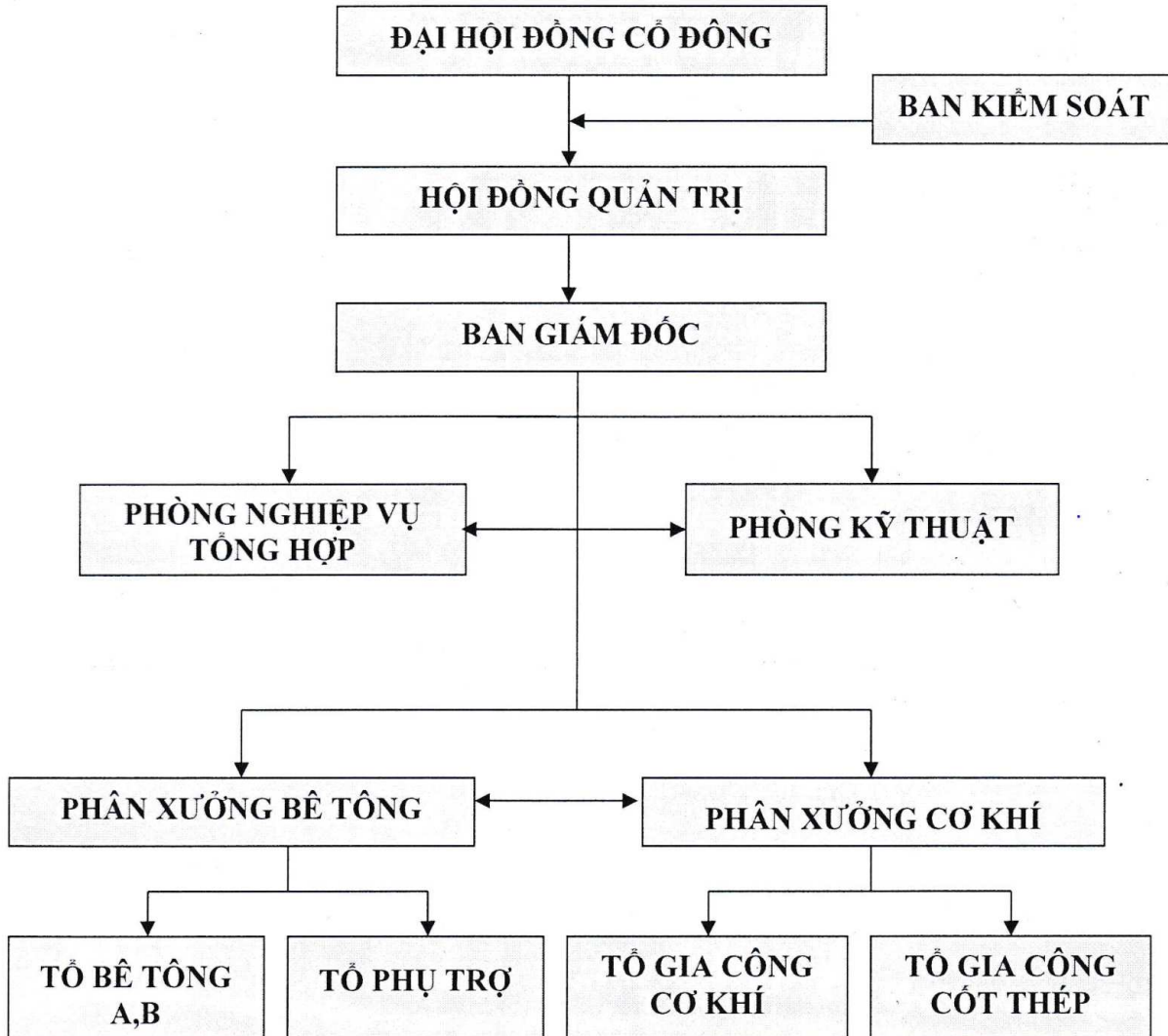
- Tỉnh Ninh Thuận
- Tỉnh Bình Thuận

- Tỉnh Đăklăk
- Tỉnh Phú Yên.....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

*** Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;

- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;

- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh

*** Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

*** Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

*** Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

b. Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Phối hợp với Phân xưởng cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;
- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

c. Khối sản xuất

Khối sản xuất bao gồm hai phân xưởng: Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

***Phân xưởng bê tông** gồm các tổ:

Tổ bê tông gồm:

- + Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn
- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lấp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

Tổ phụ trợ gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, công trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

***Phân xưởng cơ khí** gồm các tổ:**Tổ cốt thép** gồm:

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống cống
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

Tổ gia công cơ khí, sửa chữa gồm:

- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

5. Định hướng phát triển:

Mục tiêu của Công ty :

Mục tiêu trước mắt: Năm 2024 trong tình hình kinh tế chung vẫn chưa ổn định, công ty cố gắng giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mục tiêu lâu dài: Thực hiện tốt công tác Marketing, mở rộng thị phần; tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuất ... để Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất,; mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển: Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường

và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Duy trì phát triển, ổn định về lợi nhuận và doanh thu hằng năm.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2023, tình hình kinh tế cả nước nói chung và tại Khánh Hòa nói chung sau đại dịch còn nhiều khó khăn, xây dựng công nghiệp đang dần phục hồi trở lại, ngoài ra còn có các rủi ro kinh tế đến từ biến động của các yếu tố khác như lạm phát, tốc độ phát triển kinh tế làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2 Rủi ro về luật pháp

Việt Nam là một nước đang phát triển, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chịu sự chi phối trực tiếp của các chính sách pháp luật Việt Nam. Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, Luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, đòi hỏi chính sách Việt Nam cần có sự cập nhật, cải tiến phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp.

6.3 Rủi ro về đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là rất lớn. Năm 2023 với sự biến đổi giá của một số nguyên vật liệu đầu vào, làm giá cả nguyên vật liệu trên thị trường có sự biến động gây ra những tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc thù của ngành như vậy, nên Công ty rất quan tâm và cẩn trọng trong ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn để giảm thiểu những thiệt hại do biến động giá gây ra.

Với vai trò là nhà sản xuất sản phẩm bê tông phục vụ cho nhiều đơn vị xây lắp, thi công với các dự án có thời hạn kéo dài thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng này phải mất rất nhiều thời gian, phần nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu cũng như dòng tiền hoạt động. Tuy nhiên, do không phải là nhà thầu chính nên Công ty có thể giảm thiểu được rủi ro này bằng cách cố gắng theo dõi sát sao và đốc thúc việc thu hồi công nợ đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của Công ty.

Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc tiêu thụ một lượng lớn các sản phẩm bê tông ly tâm. Điều này sẽ làm cho lĩnh vực sản xuất bê tông ly tâm trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, gây sức ép cạnh tranh đặc biệt là sự cạnh tranh về giá thành đối với Công ty.

6.2. Rủi ro khác

Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, hay một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như đại dịch covid 19 cùng các hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo... Vì vậy để hạn chế rủi ro trên có thể xảy ra. Công ty đã chủ động mua bảo hiểm sinh mạng cho CB CNV cũng như bảo hiểm tài sản cho Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	47.000.000.000	40.494.083.152	86,2%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.000.000.000	1.838.116.569	91,9%
3	Mức chia cổ tức	10%	10%	

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2023 cho thấy:

+ Doanh thu thuần thực hiện năm 2023 đạt 86,15% so với kế hoạch, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm 2022

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 91,9 % so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng mạnh so với năm 2022 chủ yếu là do các yếu tố sau:

- Mặc dù doanh thu giảm, chỉ đạt 82,17% so với năm trước nhưng tỷ trọng giá vốn trên doanh thu giảm mạnh, tỷ trọng Giá vốn/doanh thu năm 2023 là 79,35% giảm 4,38% so với năm 2022. Giá vốn giảm chủ yếu ở chi phí nguyên vật liệu giảm. Cát giảm 6.5%, xi măng giảm 4%, các loại thép xuất kho bình quân đều giảm.

- Công ty thực hiện tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng góp phần làm tăng lợi nhuận.

2. Tổ chức và nhân sự:

* *Danh sách ban điều hành Công ty:*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Nguyễn Tấn Lực	Chủ tịch HĐQT	27/4/2023	
02	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT		27/4/2023
	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	27/4/2023	
03	Võ Trị	Thành viên HĐQT	27/4/2023	
04	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT		27/4/2023
05	Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT		27/4/2023
II.	BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban	27/4/2023	
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	27/4/2023	
03	Phan Đắc Văn	Thành viên	27/4/2023	
04	Trịnh Giang Nam	Thành viên		27/4/2023
III.	BAN GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG			

01	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc Công ty		30/04/2023
02	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc		30/04/2023
03	Võ Trị	Kế toán trưởng		30/04/2023
	Võ Trị	Giám đốc Công ty	01/05/2023	
04	Nguyễn Thị Tuyết Loan	Kế toán trưởng	01/05/2023	

*** Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

1. Ông Nguyễn Tấn Lực – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN TẤN LỰC**
- Số CCCD : 001075045290 cấp ngày 13/8/2021 do CCS QLHC về TTXH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 29/08/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 10 Hoa Lư – P. Phước Tiên – TP. Nha Trang – Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0919.667.986
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Thạc sĩ mạng và Hệ thống điện.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 16/03/1998 – 30/11/1999: Kỹ sư thiết kế - tổ thiết kế, Đội xây lắp – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa;
 - + Từ 01/12/1999 – 31/03/2009: Điều độ viên, Phòng Điều độ sản xuất Công ty CP Điện lực Khánh Hòa;
 - + Từ 01/04/2009 – 30/11/2014: Phó trưởng phòng Điều độ sản xuất – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa;
 - + Từ 01/12/2014 – 30/9/2020: Trưởng phòng Điều độ sản xuất – Công ty CP Điện lực KHánh Hòa;
 - + Từ 01/10/2020 – 31/12/2021: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Điện lực Khánh Hòa;
 - + Từ 01/01/2022 đến nay : Phó tổng giám đốc Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 465.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 0 cổ phần

+ Ủy quyền : 465.000 cổ phần (Công ty CP Điện lực Khánh Hòa)

2. Ông : Lê Duy Cửu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
- Số CCCD : 092076004558 do Cục CS QLHC về TTXH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/12/1976
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1999 – năm 2000 : Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
 - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
 - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2003 – năm 2005: Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2005 – năm 2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
 - + Năm 2016 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 30.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

3. Ông Võ Trị – Thành viên HĐQT + Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**

-
- Số CCCD : 056062005383 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021
 - Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 16/12/1962
 - Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
 - Địa chỉ thường trú : 68 Trần Mai Ninh, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
 - Số điện thoại liên lạc : 0905.414.234
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
 - Quá trình công tác:
 - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
 - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
 - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – 14/5/2017 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ 15/5/2017 – 25/4/2018 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
 - + Từ 26/4/2018 – 31/10/2019 : Thành viên HĐQT KPCECO
 - + Từ 01/11/2019 – 01/8/2022 : Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
 - + Từ 02/8/2022 đến 30/04/2023 : Kế toán trưởng KPCECO
 - + Từ 01/5/2023 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty KPCECO
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 179.795 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 179.795 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần
-

4. Bà : NguyễnThị Thúy Hằng – Trưởng Ban kiểm soát

- Số CCCD : 089178008552 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 16/11/1978
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : 8/18 An Thới, Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0908 831 070
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2002 – 07/2003: Nhân viên phòng Kế toán – Công ty Nông súc sản XNK Cần Thơ
 - + Từ tháng 07/2003 – 08/2004: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
 - + Từ tháng 09/2004 – 12/2006: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp điện – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
 - + Từ tháng 01/2007 – 12/2007: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
 - + Từ tháng 01/2008 – đến nay: Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch : Trưởng ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 0 cổ phần

5. Ông Phan Đắc Văn – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN ĐẮC VĂN**
- Số CCCD : 056082003503 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/11/2021
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/11/1982
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 21B Lê Hồng Phong – P. Phước Hòa - TP. Nha Trang, Khánh Hòa

- Số điện thoại liên lạc : 0904 806 371
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2003 – 2004 : CB Kỹ thuật Công ty TNHH TMDV kỹ thuật ABTech tại TP. HCM
 - + Từ 2005 – 2006: CB kỹ thuật Công ty TNHH TVXD Không gian Việt
 - + Từ 2007 – 2008: CB kỹ thuật Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
 - + Từ 2009 – 2021: CB kỹ thuật Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
 - + Từ 2021 đến nay: Phó phòng kỹ thuật Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó phòng kỹ thuật + Thành viên Ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 0 cổ phần

6. Bà Phan Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN THỊ VÂN HÀ**
- Số CMND : 022179009657 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : số 10 khu tập thể Bình Khê, Phước Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0975.082.039
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2001 – tháng 8/2020: Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 9/2020 – nay : phụ trách kế toán kiêm Trưởng phòng tổng hợp - Điện lực Vĩnh Hải – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: phụ trách kế toán kiêm Trưởng phòng tổng hợp Điện lực Vĩnh Hải – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2023 là 65 người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo đối tượng lao động		
1	Lao động gián tiếp	15	23,08 %
2	Lao động trực tiếp	50	76,92%
Tổng cộng		65	100 %
II	Phân theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học	09	13,9 %
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	05	7,7 %
3	Trình độ sơ cấp	02	3,1 %
4	Công nhân có tay nghề	01	1,5 %
5	Lao động phổ thông	48	73,8 %
Tổng cộng		65	100%

Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:

+ Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể yêu cầu CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động .

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

+ Chế độ phúc lợi

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách đào tạo

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyên sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất....

Toàn bộ CB CNV đều được huấn luyện an toàn lao động - vệ sinh lao động

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

3.1. Các khoản đầu tư cụ thể:

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện(đồng)	TH/KH
01	Mua sắm khuôn các loại và một số thiết bị khác PVSX	1.000.000.000		64,5%
	THỰC HIỆN		645.000.000	
01	Khuôn trụ điện 16M(10+6 – đk 190mm)		215.000.000	
02	Khuôn trụ điện 20m(Đoạn ngọn 12m)		135.000.000	
03	Khuôn trụ điện 20m(Đoạn gốc 08m)		125.000.000	
04	Đầu máy căng thép 205T		170.000.000	

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2023 đạt 64,5% so với kế hoạch. Do nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2023 chưa cao, các công trình công, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế nên chưa đầu tư thêm.

3.2. Công ty liên kết :

3.2.1. Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	175.058.817.104	167.468.103.992	95,7
Doanh thu thuần	313.255.988.102	295.481.188.173	94,3
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.236.659.773	18.580.031.560	87,5
Lợi nhuận khác	314.062.150	26.655.872	8,5
Lợi nhuận trước thuế	21.550.721.923	18.606.687.432	86,3
Lợi nhuận sau thuế	17.253.937.538	14.870.387.668	86,2

3.2.2. Công ty CP Điện lực Khánh Hòa

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	2.170.738.304.023	2.299.408.502.509	105,9
Doanh thu thuần	5.163.639.671.006	6.205.324.513.409	120,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	66.887.663.659	55.696.732.749	83,3
Lợi nhuận khác	6.857.855.273	15.023.051.685	219,1
Lợi nhuận trước thuế	73.745.518.932	70.719.784.434	95,9
Lợi nhuận sau thuế	59.013.313.030	54.816.796.367	92,9

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính:

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2022	Năm 2023	Tăng giảm (%)
01	Tổng giá trị tài sản	31.660.423.604	34.890.804.353	110,2
02	Doanh thu thuần	49.276.104.876	40.494.083.152	82,2
03	Lợi nhuận từ hoạt động KD	964.376.596	2.415.853.031	250,5
04	Lợi nhuận khác	(100.264.068)	(8.163.986)	8,14
05	Lợi nhuận trước thuế	864.112.528	2.407.689.045	278,6
06	Lợi nhuận sau thuế	577.823.268	1.838.116.569	318,1

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	Năm 2022	NĂM 2023	GHI CHÚ
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	5,53	4,44	
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,88	2,6	
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,11	0,15	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,13	0,18	
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq)		4,36	3,32	
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		1,56	1,16	
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	1,16	4,53	
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	2,06	6,23	
3	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	1,83	5,27	
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,96	5,97	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần theo từng loại : 1.500.000 cổ phần, tất cả là cổ phần thường, không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức trong nước	02	855.000	57,0
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,0
1.2	Công ty CP Bê tông ly tâm An giang	1	390.000	26,0
2	Tổ chức nước ngoài	0	0	0
3	Cá nhân trong nước	160	644.800	42,99
3.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	20	240.245	16,02
3.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	08	76.700	5,11
3.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	73	158.115	10,54
3.4	Cổ đông ngoài 2 Công ty liên kết	59	169.740	11,32
4	Cá nhân người nước ngoài	01	200	0,01
	Tổng cộng(1+2)	163	1.500.000	100,00%

Tính đến 22/3/2024 cổ đông của Công ty có: 160 cổ đông

+ Trong nước: 157 cá nhân và 02 tổ chức

+ Nước ngoài: 01 cá nhân

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : năm 2023 : 29.491.064.049 đồng

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : năm 2023 không phát sinh

e. Các chứng khoán khác : năm 2023 không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. *Tác động lên môi trường:* Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải và cũng triển khai lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải ra môi trường đúng quy định. Thực hiện thu gom xử lý chất thải theo đúng quy định, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, chất thải, khói bụi ra môi trường xung quanh, hàng năm Công ty đều thực hiện thu mẫu 02 lần trên năm và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường với đơn vị quản lý.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên liệu:* Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng : Nguồn nguyên liệu tháp dự ứng lực là nguồn nguyên liệu được nhập khẩu, các nguyên liệu khác như: cát , đá, xi măng, phụ gia.... Được mua từ các nhà cung cấp trong nước. Các nguyên vật liệu được nhập kho và bảo quản, sử dụng theo đúng quy định của nhà sản xuất.

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ là 0%

6.3. *Tiêu thụ năng lượng:* Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Hiện Công ty đang sử dụng hệ thống điện từ nguồn điện lưới điện quốc gia.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : nguồn nước sử dụng cho sản xuất sản phẩm và nguồn nước sinh hoạt cho người lao động được Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa cung cấp.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 0

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động :

- Số lượng lao động bình quân trong năm : 68 CNV

- Mức lương bình quân đối với người lao động năm 2023: 8.720.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/ năm, thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho các bộ phận liên quan theo quy định; hàng tháng Công ty có hỗ trợ độc hại cho CNV bằng hiện vật. Hàng quý đều cấp bảo hộ lao động cho CNV đầy đủ, mỗi năm đều trang bị quần áo, mũ nón, giày bảo hộ cho bộ phận sản xuất trực tiếp theo đúng quy định.

-Hoạt động đào tạo người lao động : Hàng năm vào đầu năm Công ty thuê đơn vị chuyên ngành bồi dưỡng, huấn luyện quy trình vận hành, an toàn cho NLĐ; bộ phận phụ trách PCCC được huấn luyện hàng năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2023: Doanh thu thuần giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2022, doanh thu giảm từ hoạt động bán sản phẩm trụ bê tông ly tâm, giảm nhiều nhất ở doanh thu cung cấp cọc và dịch vụ ép cọc. Mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2022.

Ban Giám đốc mới đang trong giai đoạn tiếp nhận và điều hành từ ngày 01/5/2024 đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến sự vận hành của Công ty. Trước những khó khăn chung cùng

b. Tình hình nợ phải trả :

Năm 2022 tình hình tài chính và vốn lưu động của Công ty ổn định, vì vậy khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty không có vấn đề và biến động gì. Thực hiện nợ phải trả đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng cho nhà cung cấp.

NỢ PHẢI TRẢ	01/01/2023	31/12/2023
Nợ ngắn hạn	3.557.476.124	5.399.740.304
Phải trả người bán ngắn hạn	1.672.223.026	2.534.240.943
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	337.292.283	408.676.272
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	332.722.210	541.814.033
Phải trả người lao động	335.820.807	1.022.562.891
Chi phí trả trước ngắn hạn	104.248.913	299.801.105
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	
Phải trả ngắn hạn khác	752.814.360	873.342.727
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.603.438	19.103.438
Nợ dài hạn	-	-
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG	3.557.476.124	5.399.740.304

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã sắp xếp, tổ chức lại dây chuyền sản xuất phù hợp với sản xuất. Góp phần duy trì gắn kết của người lao động đối với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Dự báo năm 2024 dự báo tình hình kinh tế chung giảm nhẹ do tiếp tục tiềm ẩn những rủi ro và thách thức. Điều này cũng tác động không nhỏ đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước nói chung và tại Khánh Hòa nói riêng. Song với chủ trương và mục tiêu của Khánh Hòa đang mở rộng quy hoạch và phát triển trở thành thành phố trực thuộc trung ương, chúng ta vẫn có cơ sở để kỳ vọng sẽ duy trì đà phục hồi và tăng trưởng kinh tế trong năm tới và thời gian tới. Để thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 và trong tương lai công ty cần thực hiện các giải pháp sau:

- Tổ chức tốt công tác sản xuất, điều chỉnh và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

- Bảo đảm an toàn lao động, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy trình vận hành sản xuất, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động và rủi ro kinh doanh.

- Tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, tiếp cận và chủ động tìm kiếm khách hàng, tìm nguồn thông tin, theo dõi tiến độ triển khai các dự án của tỉnh để xúc tiến thương thảo và ký kết được các hợp đồng cung cấp sản phẩm bê tông.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, duy trì và đảm bảo hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015. Tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *không*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty :

- Công ty chủ trương sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, thực hiện chủ trương tiết kiệm điện, nước trong hoạt động sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương, giữ gìn môi trường xung quanh. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy định xử lý nước thải ra môi trường, giảm tiếng ồn hạn chế sự ảnh hưởng đến môi trường cộng đồng dân cư xung quanh.

- Công ty luôn quan tâm, chăm lo và thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi của người lao động. Ổn định thu nhập cho người lao động. Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ cho người lao động các chế độ phúc lợi như : hiếu hỷ, ốm đau, khó khăn, bảo hiểm sinh mạng ...

- Về địa phương : Công ty tham gia đóng góp ủng hộ quỹ khuyến học cho địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong tình hình chung năm 2023, tình hình kinh tế đang phục hồi Công ty còn gặp nhiều khó khăn. HĐQT đã thường xuyên, sâu sát kiểm tra, bàn bạc, chỉ đạo Công ty giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Năm 2023, HĐQT Công ty cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý và sự góp sức của tập thể NLD Công ty đã tiếp tục tổ chức tương đối tốt công tác sản xuất kinh doanh sản phẩm BTLT trên cơ sở thiết bị, công cụ đã được đầu tư, duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ cũng như điều hành các công tác quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và sự đoàn kết, cố gắng của tất cả CB CNV toàn Công ty trong năm qua đã cùng HĐQT hoàn thành tốt công tác xây dựng Nhà máy sản xuất, xây dựng Công ty và tổ chức khá tốt công tác sản xuất trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Vì vậy, năm 2024 Công ty vẫn tiếp tục duy trì tổ chức sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thị trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận một số dự án khu dân cư và các công trình công đang được triển khai và thực hiện. Sửa đổi bổ sung các quy định quy chế quản lý phù hợp với quy định hiện hành nhằm minh bạch trong quản lý điều hành và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh. Tiếp tục giữ vững thị trường, ổn định tiền lương và từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Tấn Lực	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên không điều hành – Giám đốc tại ACE
02	Ông Võ Trị	Thành viên HĐQT, Giám đốc	179.795	11,99	Thành viên điều hành – Giám đốc KCE
03	Ông Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	30.000	0,02	Thành viên không điều hành – Giám đốc tại ACE

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *không có*

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm HĐQT đã thực hiện 16 cuộc họp với Ban giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động và có hướng chỉ đạo kịp thời để đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả. Hội đồng quản trị thông qua 22 nghị quyết và quyết định về phê duyệt kết quả đầu tư, tổ chức đại hội cổ đông, triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, bổ nhiệm, phê duyệt đơn giá tiền lương, chọn công ty kiểm toán BCTC, trả cổ tức, ... Các nghị quyết, quyết định của HĐQT thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đoàn kết, phối hợp tốt trong điều hành sản xuất. Năm 2023 không có khiếu kiện gì liên quan đến công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2023/QĐ-HĐQT-KCE	01/02/2023	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương Công ty năm 2022.
02	02/2023/QĐ-HĐQT-KCE	02/02/2023	Quyết định phê duyệt V/v Trích lập quỹ dự phòng phải thu nợ khó đòi năm 2022
03	03/2023/NQ-HĐQT-KCE	08/02/2023	Nghị quyết V/v Vay vốn, mở L/C, bảo lãnh, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại BIDV CN Khánh Hòa
04	04/2023/NQ-HĐQT-KCE	21/02/2023	Nghị quyết V/v Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
05	05/2023/NQ-HĐQT-KCE	10/03/2023	Nghị quyết Chấp thuận hợp đồng giao dịch với bên liên quan KHPC
06	06/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	10/03/2023	Quyết định thành lập Ban tổ chức tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
07	07/2023/NQ-HĐQT-KCE	27/04/2023	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
08	08/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	27/04/2023	Quyết định Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty
09	09/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	28/04/2023	Quyết định Bổ nhiệm Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty
10	10/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	28/04/2023	Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty
11	11/2023/ NQ-HĐQT-KCE	15/06/2023	NQ V/v Chỉ định Người đại diện tiếp tục hợp đồng hạn mức tín dụng với BIDV CN Khánh Hòa
12	12/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	15/06/2023	Quyết định phê duyệt mức lương Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

13	13/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	19/07/2023	Quyết định V/v chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2023
14	14/2023/ NQ-HĐQT-KCE	04/08/2023	Nghị quyết Chấp thuận hợp đồng giao dịch với bên liên quan ACECO
15	15/2023/ NQ-HĐQT-KCE	29/08/2023	Nghị quyết V/v Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho cổ đông
16	16/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	07/09/2023	Quyết định V/v Ông Võ Trị nghị việc hưởng chế độ hưu của BHXH theo quy định
17	17/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	07/09/2023	Quyết định V/v Ký hợp đồng thuê Giám đốc điều hành Công ty
18	18/2023/ NQ-HĐQT-KCE	08/09/2023	Nghị quyết Chấp thuận hợp đồng giao dịch với bên liên quan ACECO
19	19/2023/ NQ-HĐQT-KCE	14/09/2023	Nghị quyết V/v Phê duyệt đơn giá tiền lương Công ty năm 2023
20	20/2023/ NQ-HĐQT-KCE	23/10/2023	Nghị quyết Chấp thuận hợp đồng giao dịch với bên liên quan KHPC
21	21/2023/ NQ-HĐQT-KCE	29/12/2023	Nghị quyết Chấp thuận hợp đồng giao dịch năm 2024 với bên liên quan KHPC.
22	22/2023/ QĐ-HĐQT-KCE	29/12/2023	Quyết định V/v Xử lý nợ phải thu khó đòi đã quá hạn.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và tiêu ban hội đồng quản trị : *không*

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2023: *không*

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	0	0	
02	Phan Đắc Văn	Thành viên	0	0	Bổ nhiệm ngày 27/4/2023
03	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	0	0	
04	Trịnh Giang Nam	Thành viên	0	0	Miễn nhiệm ngày 27/4/2023

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua; Giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty; Ban giám đốc công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận kiểm tra sổ sách kế toán, tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty; phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành trong việc đánh giá thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS:

TT	Tên	Chức vụ	Tiền thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Tấn Lực	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	0	48.000.000
	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
		TV HĐQT	32.000.000		32.000.000
	Võ Trị	TV HĐQT	32.000.000	0	32.000.000
2	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
3	Phạm Ngọc Quang	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
II	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	48.000.000	0	48.000.000
2	Trịnh Giang Nam	TV BKS	8.000.000	0	8.000.000
3	Phan Thị Vân Hà	TV BKS	24.000.000	0	24.000.000
4	Phan Đức Văn	TV BKS	16.000.000	0	16.000.000

b. Lương, tiền thưởng và các khoản lợi ích khác của Ban giám đốc:

TT	Tên	Chức vụ	Thu nhập	Tiền thưởng	Tổng cộng
1	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	120.330.795	0	120.330.795
2	Võ Trị	Kế toán trưởng	74.152.692	0	74.152.692
	Võ Trị	Giám đốc	228.626.917	0	228.626.917
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	81.956.847	0	81.956.847
4	Nguyễn Thị Tuyết Loan	Kế toán trưởng	166.047.247	0	166.047.247

c. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không phát sinh

d. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : không phát sinh

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : theo đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – thẩm định giá và tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: bảng CĐKT; Báo cáo KQHĐKD; Báo cáo LCTT; Bảng TMBCTC chi tiết (đã được công bố thông tin trên trang HNX - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đã được công bố thông tin trên website của Công ty tại địa chỉ : <http://www.kpceco.com.vn>).

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Giám đốc



[Handwritten signature]
Võ Trí

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đặc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.984.066.878	19.669.677.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.688.701.141	7.871.264.388
1. Tiền	111		4.688.701.141	3.871.264.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.004.405.609	2.253.236.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.899.235.322	3.387.440.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	30.720.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	406.018.343	61.695.568
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(300.848.056)	(1.226.620.412)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	9.956.809.293	9.417.798.040
1. Hàng tồn kho	141		9.956.809.293	9.417.798.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		334.150.835	127.378.656
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	299.801.105	104.248.913
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	34.349.730	23.129.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.906.737.475	11.990.746.471
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	18.338.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	18.338.000
II. Tài sản cố định	220		8.150.187.295	11.559.615.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	8.150.187.295	9.238.490.815
Nguyên giá	222		48.227.891.679	47.582.891.679
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.077.704.384)	(38.344.400.864)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	2.321.124.998
Nguyên giá	228		130.000.000	3.309.623.271
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.000.000)	(988.498.273)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.756.550.180	412.792.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.756.550.180	412.792.658
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.890.804.353	31.660.423.604

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.399.740.304	3.557.476.124
I. Nợ ngắn hạn	310		5.399.740.304	3.557.476.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	2.534.240.943	1.672.223.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	408.676.272	337.292.283
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	541.814.033	332.722.210
4. Phải trả người lao động	314		1.022.562.891	335.820.807
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	873.342.727	752.814.360
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.103.438	126.603.438
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.491.064.049	28.102.947.480
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	29.491.064.049	28.102.947.480
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.525.124.212	12.525.124.212
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.965.939.837	577.823.268
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		127.823.268	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.838.116.569	577.823.268
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34.890.804.353	31.660.423.604



Võ Trí
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	40.550.444.202	49.657.163.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	56.361.050	381.058.929
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.494.083.152	49.276.104.876
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	32.135.334.844	41.263.358.974
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.358.748.308	8.012.745.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	245.705.393	103.057.887
7. Chi phí tài chính	22		16.681.885	53.063.673
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.448.067.138	4.915.094.894
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.723.851.647	2.183.268.626
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.415.853.031	964.376.596
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	5.7	8.163.986	100.264.068
14. Lợi nhuận khác	40		(8.163.986)	(100.264.068)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.407.689.045	864.112.528
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	569.572.476	286.289.260
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.838.116.569	577.823.268
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.5	1.225	385
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.6	1.225	385

**Võ Trí**
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Tuyết Loan**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.407.689.045	864.112.528
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.733.303.520	2.117.267.362
Các khoản dự phòng	03		(925.772.356)	44.070.457
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(245.705.393)	(103.057.887)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.969.514.816	2.922.392.460
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.169.955.450	4.126.901.399
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(539.011.253)	95.877.149
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.360.523.198	(1.121.649.035)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(218.184.716)	(282.061.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(455.276.751)	(319.551.375)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(107.500.000)	(364.150.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.180.020.744	5.057.758.776
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(148.350.000)	(450.037.273)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		234.341.009	103.057.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.914.008.991)	(346.979.386)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(448.575.000)	(750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(448.575.000)	(750.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.182.563.247)	3.960.779.390
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.871.264.388	3.910.484.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		6.688.701.141	7.871.264.388

Võ Trí
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởngNguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200742214 ngày 19 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Ngày 08 tháng 02 năm 2011, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là KCE.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 15.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 65 (31/12/2022: 72).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Xây lắp công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2023
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	5 - 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	8 - 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ, cổng, cọc bê tông ly tâm). Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất công nghiệp và một khu vực địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	150.751.548	253.565.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.537.949.593	3.617.699.329
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	6.688.701.141	7.871.264.388

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Hồng Phúc	466.570.240	295.678.800
Công ty CP Quản lý và Xây dựng Giao thông Khánh Hòa	255.145.000	-
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	-	764.094.083
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Hưng Phát	-	585.121.603
DNTN Xây dựng Cơ bản Việt Ngân	224.640.014	-
Công ty Cổ phần VICT	100.000.000	337.159.470
Các khách hàng khác	852.880.068	1.405.386.937
Cộng	1.899.235.322	3.387.440.893

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	325.050.000	-	27.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	18.338.000	-	-	-
Lãi dự thu	11.364.384	-	-	-
Phải thu khác	51.265.959	-	34.695.568	-
Cộng	406.018.343	-	61.695.568	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	-	-	18.338.000	-
Cộng	-	-	18.338.000	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	493.090.217	192.242.161	1.345.323.893	118.703.481
Cộng	493.090.217	192.242.161	1.345.323.893	118.703.481

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Hưng Phát	-	-	Xóa nợ	585.121.603	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng Tổng hợp Nha Trang	-	-	Xóa nợ	212.611.082	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp Xây lắp 10 - Tổng Công ty 319	-	-	Đã thu hồi	290.019.854	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV ACC Nha Trang	42.314.629	-	Trên 3 năm	42.314.629	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phương Huy	30.856.067	-	Trên 3 năm	30.856.067	9.256.820	Từ 2 đến 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng MCON	95.138.000	28.541.400	Từ 2 đến 3 năm	29.704.000	14.852.000	Từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Châu	28.464.996	8.539.499	Từ 2 đến 3 năm	68.464.996	34.232.498	Từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Anh Cường	86.231.662	43.115.831	Từ 1 đến 2 năm	86.231.662	60.362.163	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty Cổ phần VICT	100.000.000	50.000.000	Từ 1 đến 2 năm			
Công ty TNHH Long Sơn	39.999.998	19.999.999	Từ 1 đến 2 năm			
Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư	35.069.865	17.534.933	Từ 1 đến 2 năm			
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng SJC	35.015.000	24.510.500	Từ 6 tháng đến 1 năm			
Cộng	493.090.217	192.242.161		1.345.323.893	118.703.481	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đặc Lộ, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.233.494.353	-	1.994.417.837	-
Công cụ, dụng cụ	4.800.000	-	-	-
Thành phẩm	7.184.212.411	-	6.924.546.935	-
Hàng hóa	534.302.529	-	498.833.268	-
Cộng	9.956.809.293	-	9.417.798.040	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.487.878	14.821.781
Chi phí sửa chữa	76.634.259	28.187.119
Các khoản khác	216.678.968	61.240.013
Cộng	299.801.105	104.248.913
Dài hạn:		
Chi phí sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp Đặc Lộ	2.257.532.534	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	42.400.006	45.785.987
Chi phí sửa chữa	452.990.980	352.500.007
Các khoản khác	3.626.660	14.506.664
Cộng	2.756.550.180	412.792.658

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	14.577.455.269	27.152.008.710	5.853.427.700	47.582.891.679
Mua trong năm	-	645.000.000	-	645.000.000
Tại ngày 31/12/2023	14.577.455.269	27.797.008.710	5.853.427.700	48.227.891.679
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	8.756.232.709	23.777.492.162	5.810.675.993	38.344.400.864
Khấu hao trong năm	654.294.780	1.036.257.033	42.751.707	1.733.303.520
Tại ngày 31/12/2023	9.410.527.489	24.813.749.195	5.853.427.700	40.077.704.384
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	5.821.222.560	3.374.516.548	42.751.707	9.238.490.815
Tại ngày 31/12/2023	5.166.927.780	2.983.259.515	-	8.150.187.295

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm 25.835.627.287 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Giảm khác	(3.179.623.271)	-	(3.179.623.271)
Tại ngày 31/12/2023	-	130.000.000	130.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	858.498.273	130.000.000	988.498.273
Giảm khác	(858.498.273)	-	(858.498.273)
Tại ngày 31/12/2023	-	130.000.000	130.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	2.321.124.998	-	2.321.124.998
Tại ngày 31/12/2023	-	-	-

Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 130.000.000 VND.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	496.650.000	496.650.000	-	-
Công ty CP Thép Povina	562.601.270	562.601.270	-	-
Công ty TNHH MTV Sáu Sang	476.619.000	476.619.000	263.565.060	263.565.060
Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	-	-	327.142.500	327.142.500
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Việt Hưng Phát	115.071.700	115.071.700	236.467.460	236.467.460
Các nhà cung cấp khác	883.298.973	883.298.973	845.048.006	845.048.006
Cộng	2.534.240.943	2.534.240.943	1.672.223.026	1.672.223.026
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	559.471.617	559.471.617	61.076.948	61.076.948

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC tại TP. Đà Nẵng	103.764.491	-
Công ty TNHH Việt Thành VN	-	225.781.670
Công ty Cổ phần Lizen	56.576.880	-
Công ty TNHH MTV Đăng Quang 79	-	45.446.151
Các khách hàng khác	248.334.901	66.064.462
Cộng	408.676.272	337.292.283

4.12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	439.206.580	1.122.591.705	978.164.211	-	294.779.086
Thuế TNDN	-	91.165.982	569.572.476	455.276.751	23.129.743	-
Thuế TNCN	-	11.441.471	86.925.525	100.028.068	-	24.544.014
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	34.349.730	-	83.990.218	118.339.948	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	13.399.110	-	13.399.110
Cộng	34.349.730	541.814.033	1.866.079.924	1.668.208.088	23.129.743	332.722.210

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	84.401.261	55.378.672
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.425.000	-
Phí đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Đắc Lộc	697.435.688	697.435.688
Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.080.778	-
Cộng	873.342.727	752.814.360

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	15.000.000.000	12.525.124.212	985.474.414	28.510.598.626
Lãi trong năm trước	-	-	577.823.268	577.823.268
Chia cổ tức	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(235.474.414)	(235.474.414)
Tại ngày 01/01/2023	15.000.000.000	12.525.124.212	577.823.268	28.102.947.480
Lãi trong năm nay	-	-	1.838.116.569	1.838.116.569
Chia cổ tức (*)	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	15.000.000.000	12.525.124.212	1.965.939.837	29.491.064.049

(*) Công ty chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 07/2023/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023.

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Võ Trị	1.797.950.000	1.797.950.000
Vốn góp của các cổ đông khác	4.652.050.000	4.652.050.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đặc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.838.116.569	577.823.268
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.838.116.569	577.823.268
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.225	385

4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.838.116.569	577.823.268
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.838.116.569	577.823.268
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.500.000	1.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.225	385

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được tính từ lợi nhuận sau thuế TNDN chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Điều lệ Công ty chưa quy định tỷ lệ trích quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.7. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 07/2023/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 3% trên vốn điều lệ (tương ứng 450.000.000 VND).

4.14.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	12.525.124.212
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	12.525.124.212

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	619.136.760
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng ADC	138.062.504	138.062.504
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3	409.658.812	409.658.812
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 1.02	553.178.470	553.178.470
Công ty TNHH MTV Điện tử Ngân Thanh	42.016.808	42.016.808
Công ty CP Tư vấn Quản lý Xây dựng CMC	28.741.232	28.741.232
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hải Long	252.097.302	252.097.302
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tân Nam Giang	270.115.840	270.115.840
DNTN Quốc Tiến	200.695.890	200.695.890
Công ty TNHH SX - TM Xuất nhập khẩu Đại Hưng Phát	585.121.603	-
Công ty CP Xây dựng Tổng hợp Nha Trang	212.361.303	-
Cộng	3.311.186.524	2.513.703.618

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	183.673.068	3.848.325.966
Doanh thu bán thành phẩm	37.936.108.290	44.608.334.828
Doanh thu cung cấp cọc	1.062.044.767	365.790.000
Doanh thu dịch vụ ép cọc	1.258.047.233	559.470.000
Doanh thu bán nguyên vật liệu	110.570.844	275.243.011
Cộng	40.550.444.202	49.657.163.805

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6

	323.086.563	19.572.726
--	-------------	------------

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	56.361.050	381.058.929
Cộng	56.361.050	381.058.929

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	153.549.327	2.652.023.876
Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.806.972.521	37.485.618.771
Giá vốn cung cấp cọc	905.958.626	389.341.311
Giá vốn dịch vụ ép cọc	1.202.340.955	526.535.200
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	66.513.415	209.839.816
Cộng	32.135.334.844	41.263.358.974

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	245.705.393	103.057.887
Cộng	245.705.393	103.057.887

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.749.836.478	4.689.174.845
Chi phí bằng tiền khác	698.230.660	225.920.049
Cộng	4.448.067.138	4.915.094.894

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	749.421.177	924.021.409
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.236.737	6.852.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	11.228.403
Thuế, phí và lệ phí	115.175.430	163.404.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.222.726	207.295.926
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(128.289.450)	44.070.457
Chi phí bằng tiền khác	815.085.027	826.395.749
Cộng	1.723.851.647	2.183.268.626

5.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt	1.110.652	74.731.068
Các khoản khác	7.053.334	25.533.000
Cộng	8.163.986	100.264.068

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.203.348.842	24.888.159.980
Chi phí nhân công	8.694.446.040	9.540.118.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.733.303.520	2.117.267.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.972.961.074	7.202.484.094
<i>Trong đó: chi phí dịch vụ hoạt động ép cọc</i>	<i>1.202.340.955</i>	<i>526.535.200</i>
Chi phí khác bằng tiền	2.871.086.337	2.929.774.391
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	44.070.457
Cộng	38.475.145.813	46.721.875.192

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.407.689.045	864.112.528
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	440.173.335	194.731.068
- Chi phí không hợp lệ	320.173.335	74.731.068
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	120.000.000	120.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.847.862.380	1.058.843.596
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	569.572.476	286.289.260

Trong đó:

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	569.572.476	211.768.719
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	74.520.541

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa | Công ty đầu tư |
| 2. Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang | Công ty đầu tư |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	62.821.617	61.076.948
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	496.650.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.10	559.471.617	61.076.948

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	186.006.484	19.572.726
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	137.080.079	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	323.086.563	19.572.726

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa		
Mua điện	749.070.199	863.006.972
Thuê máy biến áp	55.962.000	46.611.000
Cộng	805.032.199	909.617.972

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang		
Mua tài sản cố định - Xem thêm mục 4.8	645.000.000	-
Mua hàng	174.000.000	322.727.273
Cộng	819.000.000	322.727.273

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả		
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	139.500.000	232.500.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	117.000.000	195.000.000
Ông Võ Trị	53.938.500	89.897.500

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Tấn Lực	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	48.000.000	-
Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	24.000.000	82.000.000
	Thành viên HĐQT		32.000.000	-
Ông Võ Trị	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	32.000.000	-
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	16.000.000	78.000.000
Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	16.000.000	56.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS		48.000.000	58.000.000
Ông Phan Đắc Văn	Thành viên BKS	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	16.000.000	-
Bà Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS		24.000.000	29.000.000
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên BKS	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	8.000.000	29.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc và các lãnh đạo quản lý chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Võ Trị	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	228.626.917	-
	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	74.152.692	250.624.326
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	120.330.795	355.947.184
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	81.956.847	248.275.072
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	166.047.247	-

7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất tại xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thuê đất số 12/2010/HĐTD ngày 10/03/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc cho thuê đất diện tích 19.190,9 m², thời hạn thuê 50 năm (kể từ ngày 14/11/2008 đến ngày 30/09/2058) để thực hiện dự án Nhà máy bê tông ly tâm ứng lực trước với số tiền thuê trả tiền hàng năm.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	80.149.370	85.361.100
Cộng	80.149.370	85.361.100

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	199.719.696	85.361.123
Trên 1 năm đến 5 năm	798.878.785	341.444.493
Trên 5 năm	5.991.590.889	2.646.194.819
Cộng	6.990.189.371	3.073.000.435

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Võ Trị
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập